

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-02-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 546/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1989. (Có mặt)

Cư trú: Ấp M, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hậu C, sinh năm 1981. (Xin vắng mặt)

Cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông C sống chung với nhau năm 2011, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện nay tình cảm không còn, xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Cu B, sinh ngày 07/11/2011. Hiện cháu B đang sống với ông C. Khi ly hôn, bà H đồng ý để ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không cấp dưỡng nuôi con.

Văn bản ý kiến ông Nguyễn Hậu C trình bày: Ông và bà H chung sống với nhau năm 2011, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Nay bà H xin ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Cu B, sinh ngày 07/11/2011. Hiện cháu B đang sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hậu C sống chung với nhau năm 2011, không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do chị H và anh C bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh C không thương yêu vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên không có hàn gắn tình cảm cho vợ chồng. Nay tình cảm không còn, chị H xin ly hôn với anh Nguyễn Hậu C. Vì chị H và anh C không có đăng ký kết hôn, nên căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không công nhận chị H và anh C là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Cu B, sinh ngày 07/11/2011, hiện cháu B do anh C nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H đồng ý để anh C tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, hiện tại cháu B đang sinh sống với anh C phát triển bình thường, để đảm bảo cháu B có điều kiện được phát triển và ổn định cuộc sống, nghĩ nên để anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Công nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu B trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bà Trần Thị H khởi kiện ông Nguyễn Hậu C, ông C cư trú ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hậu C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Bà H và ông C sống chung với nhau vào năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông C là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Cu B, sinh ngày 07/11/2011. Hiện cháu B đang sống với ông C. Khi ly hôn, ông C yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu B đã sống ổn định với ông C, bà H cũng đồng ý để ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Tại biên bản xác minh ngày 17/01/2018, ông Cao Minh L phó trưởng ấp H cung cấp thông tin, cháu B sống với ông C vẫn được đi học, phát triển tốt về tinh thần và thể chất, nhà ông C sinh sống hiện tại gần trường học, trạm y tế đảm bảo về việc học hành và chăm sóc sức khỏe cho cháu B. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông C là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Hậu C không yêu cầu nhưng tại phiên tòa bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đến khi con chung thành niên. Việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà H.

[5]. *Về tài sản chung*: Không có.

[6]. *Về nợ chung*: Không có.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà H và ông C thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không công nhận bà Trần Thị H với ông Nguyễn Hậu C là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Hậu C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Cu B, sinh ngày 07/11/2011.

Ông Nguyễn Hậu C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà H, cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đến khi con chung Nguyễn Cu B, sinh ngày 07/11/2011 thành niên.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0014508 ngày 31/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà H phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới